TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 374/2020/HCPT
Ngày: 20/10/2020.
V/v "Khiếu quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;
Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;
Ông Nguyễn Hải Thanh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 184/2020/TLPT-HC ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6889/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6954/QĐ-TA, ngày 21/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 7484/QĐ-TA, ngày 05/10/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Trương Văn V, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 6, xã N2, huyện N1, tỉnh N; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trương Văn T, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 6, xã N2, huyện N1, tỉnh N (Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2018); có mặt.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N là ông Lê Hồng V1, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện N1, tỉnh N;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N1, tỉnh N;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N1, tỉnh N là ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Phó Chủ tịch, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Đặng Thị V1, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 6, xã N2, huyện N1, tỉnh N; vắng mặt.

**** Người kháng cáo:*** Ông Trương Văn V;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh N, nội dung vụ án như sau:

Người khởi kiện là ông Trương Văn V trình bày:

Năm 1986, gia đình ông V mua một thửa đất sát đường Quốc lộ 1A, thuộc xóm 6, xã N2, huyện N1. Gia đình đã làm nhà sinh sống từ đó đến nay, được chính quyền địa phương xác nhận không có tranh chấp, không bị lập biên bản vi phạm. Năm 1994, Nhà nước mở rộng đường Quốc lộ 1A đã thu hồi của gia đình 78,8m^2 đất và đã đền bù cho gia đình. Đến năm 1998, gia đình được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện N1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSD đất) với diện tích 1.000m^2 (200m^2 đất ở, 800m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 6 tại xóm 6, xã N2, huyện N1, tỉnh N đứng tên Trương Văn V.

Năm 2013, Nhà nước tiếp tục nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đã thu hồi của gia đình ông 466,3m^2 đất nhưng Ban giải phóng mặt bằng chỉ lập hồ sơ đền bù cho gia đình ông 19,1m^2 đất là chưa đúng thực tế hiện trạng, không kê biên kiểm đếm, không lập biên bản, không có quyết định thu hồi đất, vi phạm quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, Nghị định số 84 ngày 25/5/2007 và Nghị định số 69 ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Gia đình ông đã có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện N1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 (viết tắt Quyết định 2096). Gia đình không đồng ý và khiếu nại tiếp đến Chủ tịch UBND tỉnh N. Chủ tịch UBND tỉnh N đã giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2221/QĐ - UBND.KT ngày 19/5/2016 (viết tắt Quyết định 2221) với nội dung không chấp nhận khiếu nại. Gia đình ông không đồng ý với các quyết định nêu trên vì trái với quy định tại Điều 6 và Điều 8 Chương II Nghị định 197 của Chính phủ.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần liên quan đến hộ gia đình ông Trương Văn V tại các Quyết định giải quyết khiếu nại số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N, Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện N1 và buộc UBND huyện N1 lập phương án bồi thường theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án hành chính, ngày 15/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 125/QĐ-UBND (viết tắt Quyết định 125) về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định 2221 có nội dung giao UBND huyện N1 rà soát, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ (nếu có) đối với 24 trường hợp sử dụng đất sau ngày 21/12/1982, trong đó có hộ ông Trương Văn V. Chủ tịch UBND huyện N1 ban hành Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 (viết tắt Quyết định 1292) về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2096/QĐ-UBND.KT ngày 19/12/2014 cũng với nội dung rà soát, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp đủ điều kiện.

Ngày 12/7/2019, Chủ tịch UBND huyện N1 đã ban hành Quyết định số 1909/QĐ-UBND sửa đổi một số điều của Quyết định số 1292 có nội dung: Cho phép lập hồ sơ bồi thường đối với phần diện tích 120,7m^2 hiện trạng sử dụng bị ảnh hưởng bởi dự án và nằm trong phạm vi giao đất cách tim đường Quốc lộ 1A 13m cho hộ ông V. Không được bồi thường phần diện tích ngoài khuôn viên đến mép nhựa Quốc lộ 1A do phần diện tích là đất hành lang không giao đất cho hộ gia đình (phạm vi 13m từ tim đường) bao gồm 13,7m trong hiện trạng sử dụng; ngày 25/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh N đã ban hành Quyết định số 3773/QĐ-UBND (viết tắt Quyết định 3773) có nội dung sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần Quyết định 2221 gồm: Sửa đổi mục 3 phần V Kết luận: "*Đối với 24 công dân:...Trương Văn V ... được Nhà nước giao đất, cấp đất sau ngày 21/12/1982, phần đất tiếp giáp Quốc lộ 1A bị ảnh hưởng bởi dự án Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng được bồi thường, hỗ trợ nếu đủ điều kiện theo quy định pháp luật*". Hủy bỏ Đoạn 3 Điều 1 Quyết định; Bổ sung Điều 1 phần Quyết định: "*Không công nhận phần giải quyết khiếu nại tại Quyết định 2096 đối với 24 trường hợp ....Trương Văn V*"; sửa đổi Đoạn 1 Điều 2 Quyết định: "*Trên cơ sở kết quả rà soát điều kiện bồi thường, hỗ trợ đối với 24 trường hợp...Trương Văn V..., thực hiện thủ tục để bồi thường, hỗ trợ theo quy pháp luật*".

Người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy một phần liên quan đến hộ gia đình ông Trương Văn V tại các Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện N1; Quyết định 1909/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện N1 và Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N.

Trình bày của người bị kiện:

Đại diện Chủ tịch UBND tỉnh N trình bày:

Ông Trương Văn V cùng 46 hộ dân tại xã N2, N1 có khiếu nại việc UBND huyện N1 không bồi thường diện tích đất nằm trong phạm vi 13,5m tính từ tim đường QL 1A. Việc khiếu nại đã được Chủ tịch UBND huyện N1 giải quyết tại quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 với nội dung: Khiếu nại sai. Ông V tiếp tục khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND tỉnh N giải quyết lần 2 tại quyết định số 2221/QĐ-UBND. KT ngày 19/5/2016 với nội dung: Việc giao đất, cấp đất cho ông V được thực hiện sau ngày 21/12/1982, đã giao cả phần diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông được quy định tại Nghị Định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng; trách nhiệm chính thuộc về UBND xã N2 và UBND huyện N1 và các tổ chức, cá nhân thực hiện chức trách, nhiệm vụ không đúng quy định pháp luật. Hiện nay, không có tài liệu nào chứng minh các hộ dân đã thực hiện nghĩa vụ tài chính khi giao đất, cấp đất nên không đủ cơ sở để xem xét các quyền lợi liên quan đến diện tích đất nằm trong hành lang Quốc lộ 1A nên Quyết định 2221 giữ nguyên phần giải quyết tại Quyết định số 2096 ngày 19/12/2014 đối với 24 trường hợp, trong đó có ông Trương Văn V, không được bồi thường về đất đối với diện tích đất đã giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nâng cấp mở rông Quốc lộ 1A. Việc Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2221 /QĐ - UBND.KT ngày 19/5/2016 là đúng quy định pháp luật.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện N1; Quyết định 1909/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện N1 và Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N đã đảm bảo quyền lợi hợp pháp của hộ gia đình ông Trương Văn V nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND huyện N1 đồng thời là đại diện của Chủ tịch UBND huyện N1, tỉnh N trình bày:

Sau khi có đơn khiếu nại của ông Trương Văn V, UBND huyện N1 đã thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra, xác minh. Chủ tịch UBND huyện N1 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 tại Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 và Chủ tịch UBND tỉnh N đã giải quyết khiếu nại lần 2 tại Quyết định 2221/QĐ-UBND . KT ngày 19/5/2016 như trình bày của đại diện người bị kiện.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, Chủ tịch UBND huyện N1 ban hành Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2096/QĐ-UBND.KT ngày 19/12/2014 và sau đó là Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 sửa đổi một số điều của Quyết định số 1292 có nội dung xác định nguồn gốc thửa đất gia đình ông Trương Văn V sử dụng đất do Hợp tác xã cấp năm 1986; Cho phép lập hồ sơ bồi thường đối

với phần diện tích 120,7m^2 hiện trạng sử dụng bị ảnh hưởng bởi dự án và nằm trong phạm vi giao đất cách tim đường Quốc lộ 1A 13m. Không được bồi thường phần diện tích ngoài khuôn viên đến mép nhựa Quốc lộ 1A do phần diện tích là đất hành lang không giao đất cho hộ gia đình (phạm vi 13m từ tim đường) bao gồm 13,7m trong hiện trạng sử dụng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị V1 trình bày: Thống nhất với quan điểm và yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

Căn cứ Điều 7; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 157 và Điều 158 Luật tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 62; Điều 66; Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75, Điều 83, Điều 84, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh N; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn V đề nghị Tòa án hủy một phần các quyết định:

- Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với 46 hộ dân xã N2, huyện N1, N;

- Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016;

- Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N sửa đổi, hủy bỏ bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016;

- Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện N1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện N1, tỉnh N sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 về việc giải quyết khiếu nại của 46 hộ dân xã N2, huyện N1, tỉnh N;

- Yêu cầu UBND huyện N1, tỉnh N phải lập phương án bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi thực hiện dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ 1A.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2019, người khởi kiện là ông Trương Văn V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông Trương Văn V và người đại diện theo ủy quyền rút phần kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N sửa đổi, hủy bỏ bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm, hủy phần liên quan đến hộ gia đình ông Trương Văn V tại các Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N, Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N, Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện N1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện N1, tỉnh N và yêu cầu UBND huyện N1, tỉnh N phải lập phương án bồi thường toàn bộ 466,3m^2 đất bị thu hồi thực hiện dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ 1A vì: Năm 1994, khi thực hiện dự án mở rộng đường Quốc lộ 1A, Nhà nước đã thu hồi của gia đình ông V 78,8m^2 đất và đã đền bù cho gia đình. Như vậy, có căn cứ để xác định ranh giới thửa đất của gia đình ông V phía giáp đường Quốc lộ 1A đã cận mép đường từ thời điểm năm 1995. Năm 2013, thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A đã thu hồi của gia đình ông V diện tích 466,3m^2 đất nhưng UBND huyện N1 cho rằng đất của ông nằm trong hành lang Quốc lộ 1A và sử dụng đất sau Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng nên chỉ lập phương án bồi thường đối với diện tích 19,1m^2, số diện tích còn lại không có quyết định thu hồi, không lập phương án bồi thường là không đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông V khởi kiện vụ án hành chính là có cơ sở, quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND tỉnh N, UBND huyện N1 và Chủ tịch UBND huyện N1 đều phải sửa đổi, bổ sung quyết định hành chính bị khởi kiện nhưng Tòa án sơ thẩm buộc ông V phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm là không đúng quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá các chứng cứ do các đương sự cung cấp, đối chiếu với quy định của pháp luật thấy rằng Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật; gia đình ông Trương Văn V sử dụng thửa đất từ năm 1986, khi cấp đất đã được trừ hành lang giao thông theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng.

Quá trình Tòa án thụ sơ thẩm giải quyết vụ án hành chính, ngày 15/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 125/QĐ - UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định 2221 có nội dung giao UBND huyện N1

rà soát, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ (nếu có) đối với 24 trường hợp sử dụng đất sau ngày 21/12/1982, trong đó có ông Trương Văn V. Chủ tịch UBND huyện N1 ban hành Quyết định số 1292/QĐ - UBND ngày 13/5/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2096/QĐ - UBND.KT ngày 19/12/2014 cũng với nội dung rà soát, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp đủ điều kiện; ngày 12/7/2019, Chủ tịch UBND huyện N1 đã ban hành Quyết định số 1909/QĐ - UBND sửa đổi một số điều của Quyết định số 1292 có nội dung: Cho phép lập hồ sơ bồi thường đối với phần diện tích 120,7m^2 hiện trạng sử dụng bị ảnh hưởng bởi dự án và nằm trong phạm vi giao đất cách tim đường Quốc lộ 1A 13m. Không được bồi thường phần diện tích ngoài khuôn viên đến mép nhựa Quốc lộ 1A do phần diện tích là đất hành lang không giao đất cho hộ gia đình (phạm vi 13m từ tim đường) bao gồm 13,7m trong hiện trạng sử dụng; ngày 25/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh N đã ban hành Quyết định số 3773/QĐ - UBND có nội dung sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần Quyết định 2221 có phần nội dung: "*Trên cơ sở kết quả rà soát điều kiện bồi thường, hỗ trợ đối với 24 trường hợp...Trương Văn V..., thực hiện thủ tục để bồi thường, hỗ trợ theo quy pháp luật*". Như vậy, gia đình ông Trương Văn V được bồi thường, hỗ trợ đối với 139,8m^2, đã lập phương án bồi thường hỗ trợ 19,1m^2, phần diện tích 120,7m^2 hiện gia đình ông V đang khiếu kiện vụ án hành chính nên chưa lập phương án bồi thường hỗ trợ. Quyền lợi hợp pháp của gia đình ông V vẫn được đảm bảo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Trương Văn V và người đại diện theo ủy quyền của ông rút phần kháng cáo đối với đề nghị hủy Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N sửa đổi, hủy bỏ bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút một phần nội dung kháng cáo củ người khởi kiện, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N; không chấp nhận những nội dung kháng cáo khác của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 09/6/2016, ông Trương Văn V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh N hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N, Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện N1 phần liên quan đến hộ gia đình ông Trương Văn V và buộc UBND huyện N1 lập phương án bồi thường đối với 466,3m^2 đất bị thu hồi thực hiện dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ 1A là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân tỉnh N thụ lý giải quyết theo đúng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính.

Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện N1 giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn V và Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N là quyết định tổng thể, có danh sách kèm theo, trong đó có tên ông Trương Văn V. Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ phần có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V tại Quyết định số 2096/QĐ - UBND và Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ngày 15/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 125/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định 2221, ngày 25/9/2019 ban hành Quyết định số 3773/QĐ-UBND sửa đổi, hủy bỏ bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016; Chủ tịch UBND huyện N1 ban hành Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2096/QĐ-UBND.KT, Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 sửa đổi một số điều của Quyết định 2096, ngày 12/7/2019, Chủ tịch UBND huyện N1 đã ban hành Quyết định số 1909/QĐ-UBND sửa đổi một số điều của Quyết định số 1292 đều liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Trương Văn V và người khởi kiện yêu cầu UBND huyện N1 lập phương án bồi thường nên đều là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Khoản 1, 6 Điều 3 Luật Tố tụng Hành chính.

Tòa án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, Quyết định hành chính liên quan, thẩm quyền và phạm vi giải quyết vụ án hành chính đúng theo quy định tại Điều 30, 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh N, UBND huyện N1, Chủ tịch UBND huyện N1 vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị V1 vắng mặt nhưng nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158 Bộ luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông Trương Văn V rút phần kháng cáo đối với đề nghị hủy Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N sửa đổi, hủy bỏ bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016, việc rút yêu cầu kháng cáo của đương sự là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N;

[5] Về tính hợp pháp của các Quyết định hành chính bị khởi kiện: UBND huyện N1, Chủ tịch UBND huyện N1 và Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành các

Quyết định hành chính bị khởi kiện nêu trên theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Luật khiếu nại và Điều 203 Luật đất đai.

[6] Về nguồn gốc thửa đất: Kết quả làm việc của Tổ công tác liên ngành cấp tỉnh với UBND xã N2 xác định hiện nay không có hồ sơ, tài liệu về việc giao đất, cấp đất cho các hộ khiếu nại, trong đó có ông Trương Văn V; không có hồ sơ địa chính xác định gia đình ông V được cấp diện tích đất, mốc ranh giới và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất. Ông V cung cấp 01 đơn xin chứng nhận đất ở đề ngày 08/9/1994, có nội dung năm 1986, gia đình ông V được UBND xã N2 cấp đất ở, phần diện tích không rõ do bị tẩy xóa và đơn này đã được Phó Chủ tịch UBND xã N2 xác nhận được cấp đất ở theo quy hoạch khu dân cư cùng ngày 08/9/1994. Ngoài ra, không có tài liệu nào xác định gia đình ông V được cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cấp đất, ranh giới, diện tích thửa đất và thời điểm bắt đầu sử dụng đất. Quá trình giải quyết khiếu nại và kết quả rà soát sửa đổi quyết định giải quyết khiếu nại xác định nguồn gốc thửa đất của gia đình ông V do Hợp tác xã cấp năm 1986. Ông V không cung cấp được các tài liệu chứng minh ranh giới sử dụng đất kể từ khi bắt đầu sử dụng đất, trong đó phía Đông giáp Quốc lộ 1A được giao từ mép đường cũng như tài liệu về việc đã thực hiện nghĩa vụ tài chính. Tại biên bản làm việc do Tòa án nhân dân tỉnh N lập ngày 07/12/2017, ông V cũng thừa nhận diện tích đất được cấp năm 1986 không có giấy tờ, không có tài liệu xác định gia đình ông V đã nộp tiền sử dụng đất.

[7] Giai đoạn Nhà nước thực hiện dự án khôi phục Quốc lộ 1A năm 1994 - 1996 (viết tắt là dự án PMU1): Tại biên bản kiểm kê thể hiện diện tích đất hộ ông Trương Văn V đang sử dụng là 940m^2, phần mở rộng là 78,8m^2, phần hành lang là 225,8m^2, diện tích ngoài hành lang 585,4m^2. Ông V xác nhận đã nhận tiền đền bù phần diện tích đất 78,8m^2. Như vậy, diện tích đất của hộ ông V còn lại là 861,2m^2. Tuy nhiên, năm 1998, ông V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1000m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 800m^2 đất vườn; không có hồ sơ cấp đất nên không xác định được ranh giới thửa đất diện tích 1.000m^2. Tại thời điểm này, Nghị định 203/HDBT ngày 21/12/1982 của Chính phủ đã có hiệu lực, quy định không được cấp đất để ở đối với phần diện tích đất nằm trong phạm vi hành lang Quốc lộ 1A là 27m tính từ tim đường và Chủ tịch UBND huyện N1 đã ban hành Chỉ thị số 140/ CT - UB ngày 10/11/1983 về việc thực hiện các quy định hành lang giao thông đường bộ trong khi thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, việc ông V cho rằng năm 1986 gia đình ông đã được cấp quyền sử dụng đất trong hành lang giao thông đường bộ là không có cơ sở vì vi phạm về quy hoạch cấp đất vào mục đích đất ở, thẩm quyền cấp đất theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật đất đai năm 1987 và Nghị định 203 nêu trên.

[8] Năm 2008, thửa đất của gia đình ông V được vẽ trích lục sơ đồ thửa đất với diện tích 200m^2 đất ở, 800m^2 đất vườn với ranh giới: Đông giáp đường

Quốc lộ 1A, cách tim đường Quốc lộ 1A 27m, Tây giáp đất sản xuất nông nghiệp 42m, Nam giáp đất ông Tý 24m và Bắc giáp đất trạm điện 24m;

[9] Quyết định số 3773/QĐ-UBND Chủ tịch UBND tỉnh N sửa đổi, hủy bỏ Đoạn 3 Điều 1 phần Quyết định 2221 và không chấp nhận phần giải quyết khiếu nại tại Quyết định 2096 đối với 24 hộ, trong đó có hộ ông Trương Văn V và giao Chủ tịch UBND huyện N1 thực hiện thủ tục để bồi thường, hỗ trợ cho các trường hợp đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật. Theo đó, Quyết định số 1909/QĐ - UBND ngày 12/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện N1 ban hành đúng pháp luật và đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 1292 và Quyết định 2096, có nội dung xác định gia đình ông Trương Văn V sử dụng đất do Hợp tác xã cấp năm 1986; được giao đất cách tim đường QL 1A 13m trở vào, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.000m^2, diện tích thực tế 1.380,5; Diện tích được lập hồ sơ bồi thường 139,8m2; đã lập hồ sơ đền bù cho gia đình ông 19,1m^2, tiếp tục lập hồ sơ bồi thường bổ sung đối với phần diện tích 120,7m^2 có hiện trạng sử dụng; diện tích đất còn lại của gia đình ông V là 1.227m^2. Không bồi thường phần diện tích trong phạm vi 13m tính từ tim đường và hiện trạng không sử dụng. Đối chiếu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 1998 với diện tích 1.000m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 800m^2 đất vườn thì thực tế quyền lợi của gia đình ông V không bị thiệt hại về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Kết quả rà soát đã chấp nhận xem xét lập hồ sơ bồi thường cho gia đình ông V đối với phần diện tích đất hành lang giao thông đường bộ nhưng có hiện trạng sử dụng bị ảnh hưởng bởi dự án là đảm bảo quyền lợi cho người khởi kiện. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V đề nghị hủy các Quyết định số 125 Quyết định 2096, Quyết định 1292; Quyết định 1909 và Quyết định số 3773 là đúng quy định của pháp luật.

[10] Quyết định số 3773/QĐ - UBND có phần nội dung: "*Trên cơ sở kết quả rà soát điều kiện bồi thường, hỗ trợ đối với 24 trường hợp...Trương Văn V..., thực hiện thủ tục để bồi thường, hỗ trợ theo quy pháp luật*". Tuy nhiên, do ông V khiếu kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 3773/QĐ – UBND nên cơ quan chức năng chưa lập phương án bồi thường đối với đối với phần diện tích đất hành lang giao thông đường bộ nhưng có hiện trạng sử dụng bị ảnh hưởng bởi dự án. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu UBND huyện N1 lập phương án bồi thường của người khỏi kiện là đúng quy định.

[11] Quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND tỉnh N, UBND huyện N1 và Chủ tịch UBND huyện N1 đã ban hành các quyết định hành chính sửa đổi, bổ sung quyết định hành chính bị khởi kiện, Quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông V đã được bảo đảm nhưng ông V bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy một phần các quyết định hành chính sửa đổi, bổ sung quyết định hành chính bị khởi kiện. Các yêu cầu khởi kiện của ông V không được chấp nhận nên Tòa án sơ thẩm buộc ông V phải chịu 200.000đồng án phí hành chính sơ thẩm là đúng quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Ông Trương Văn V rút một phần nội dung kháng cáo và được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo ông V đã rút nên ông Trương Văn V không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 172, Điều 173, Điều 234, khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu hủy phần liên quan đến hộ ông Trương Văn V tại Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N sửa đổi, hủy bỏ bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của ông Trương Văn V.

2. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Trương Văn V, giữ nguyên phần giải quyết yêu cầu đề nghị hủy phần liên quan đến hộ ông Trương Văn V tại các quyết định: Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với 46 hộ dân xã N2, huyện N1, N; Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh N sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2221/QĐ-UBND.KT ngày 19/5/2016; Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Chủ tịch UBND huyện N1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện N1, tỉnh N sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 về việc giải quyết khiếu nại của 46 hộ dân xã N2, huyện N1, tỉnh N và yêu cầu UBND huyện N1, tỉnh N phải lập phương án bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi thực hiện dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ 1A tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2019/HC-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

3. Ông Trương Văn V không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông V số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông đã nộp tại Biên lai thu số 0004041 ngày 22/10/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND tỉnh N;*
- *Cục THADS tỉnh N;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mai